

NGÔN NGỮ MANG CHỨC NĂNG PHÁN XÉT TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NAM CAO BẢN TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

LANGUAGE OF JUDGMENT IN NAM CAO'S SHORT STORIES AND THEIR ENGLISH TRANSLATIONAL EQUIVALENTS

Võ Nguyễn Thùy Trang

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; trangvo2807@gmail.com

Tóm tắt - Bài báo phân tích ngôn ngữ với chức năng phán xét được sử dụng trong bảy truyện ngắn điển hình của nhà văn Nam Cao và bản dịch tiếng Anh. Theo hướng tiếp cận mới dựa trên Lý thuyết Thẩm định, đánh giá ngôn ngữ (Appraisal Theory) của Martin & White (2005), kết hợp cùng phương pháp mô tả các thông tin định tính và định lượng, văn bản mang giá trị phán xét được nhận diện, phân loại theo năm phạm trù ngữ nghĩa khác nhau; thể hiện dưới hình thức văn bản biểu thái và dấu hiệu biểu thái với các đặc điểm từ vựng khác nhau. Thông qua kết quả nghiên cứu, hy vọng rằng bài báo sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để hiểu và sử dụng ngôn ngữ phán xét trong đọc hiểu, viết và dịch thuật văn bản. Đồng thời nó cũng là một tư liệu tham khảo cho những người làm công tác giảng dạy ngôn ngữ.

Từ khóa - giá trị phán xét; thẩm định; văn bản biểu thái; dấu hiệu biểu thái; ngôn ngữ

1. Đặt vấn đề

Trong đời sống văn học, tác phẩm văn học là nghệ thuật của ngôn từ, biểu đạt cho tính hiệu thẩm mỹ, thể hiện quan điểm lập trường của người nghệ sĩ. Điển hình như trong các truyện ngắn được viết trước và sau Cách Mạng tháng Tám của nhà văn Nam Cao, ngôn ngữ mang chức năng phán xét (Judgment) được sử dụng rất sắc sảo, bộc lộ công khai và chính thức các quan điểm, thái độ của tác giả đối với các vấn đề xã hội và con người thời bấy giờ. Vì thế, việc phân tích các đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ phán xét là điều rất cần thiết trong đọc hiểu văn bản nói chung và các tác phẩm văn học nói riêng. Bên cạnh đó, việc dịch thuật một tác phẩm văn học quả thật không dễ dàng bởi dịch giả phải biết cách để không chỉ giữ được nội dung cốt lõi của bản nguyên tác mà còn phải truyền tải được những tư tưởng quan điểm của tác giả khi chuyển sang ngôn ngữ đích, để người đọc có thể lĩnh hội được hết thông điệp đánh giá mà tác phẩm muốn truyền tải. Khi đó, việc tiến hành phân tích thẩm định, đánh giá ngôn ngữ mang chức năng phán xét giữa bản gốc tiếng Việt và bản dịch tiếng Anh là điều rất cần thiết.

Chức năng phán xét là một phạm trù con của phạm trù Thái độ (Attitude) – một trong ba yếu tố của bộ khung thẩm định, đánh giá trong ngôn ngữ được đề cập bởi Martin và các đồng sự của ông. Khi đi tìm lại các nghiên cứu về lĩnh vực có liên quan đến phân tích thẩm định nói chung, phân tích ngôn ngữ chức năng phán xét nói riêng, chúng ta không thể không nhắc đến các tác giả có uy tín như Rothery và Stenglin (2000) với công trình nghiên cứu về vai trò của phân tích thẩm định, ngôn ngữ phán xét trong văn học. Bên cạnh đó, Neviarouskaya, Predinger và Ishizuka (2010) cũng khảo sát về cách nhận biết các chức năng biểu cảm, phán xét. Ở Việt Nam, những tác giả như Nguyễn Văn Khôi (2006), Trần Thị Ly (2015) đã có những bài nghiên

Abstract - This article analyses the use of language of Judgment in seven short stories by Nam Cao and their English translational equivalents. Semantically, in the light of Appraisal Theory (Martin & White, 2005), the study reveals that Judgment expressions are realized in five sub-types, namely Normality, Capacity, Tenacity, Veracity, and Propriety; all these expressions can be explicit or implicit with different word classes. The study makes use of both qualitative and quantitative information employing descriptive method. On the basis of the findings, the article puts forward several implications and suggestions on comprehending, translating the language of Judgment as well as learning and teaching English through language of Judgment in particular and Appraisal language in general

Key words - judgment; appraisal; explicit; implicit; language

cứu về đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ bày tỏ thái độ. Tuy nhiên, khi đi tìm qua tất cả các công trình nghiên cứu ở trên, vấn đề phân tích ngôn ngữ phán xét trong các truyện ngắn vẫn chưa được triển khai một cách thấu đáo về vấn đề tổ chức phân bố các đơn vị ngôn ngữ với chức năng thẩm định đánh giá. Vì vậy bài báo hi vọng bổ sung một số phát hiện về việc kết hợp 2 mô hình chức năng và thẩm định phán xét trong mảng nghiên cứu này.

2. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết về ngôn ngữ đánh giá và bộ khung thẩm định ngôn ngữ trong “The Language of Evaluation: Appraisal in English” của Martin and White (2005) là cơ sở lý luận cơ bản nhất được vận dụng vào phân tích văn bản trong bài nghiên cứu này. Theo các học giả này, Bộ khung thẩm định bao gồm ba phạm trù chính là Thái độ (Attitude), Thỏa hiệp (Engagement), và Thang độ (Graduation). Cụ thể hơn, phạm trù ngữ nghĩa Thái độ được phân tách thành các trường nghĩa chi tiết hơn là Tác động (Affect), Đánh giá (Appreciation) và Phán xét (Judgment)

Ở bài nghiên cứu này, ngôn ngữ mang chức năng phán xét được lựa chọn để phân tích.

Phán xét (Judgment): khác với phạm trù đánh giá (Appreciation) thể hiện thái độ trước các sự kiện, sự việc và đặc điểm ngoại hình của con người, ngôn ngữ Phán xét (Judgment) lại thể hiện thái độ đánh giá về các hành vi và cá tính của con người bằng cách quy chiếu vào một hệ thống chuẩn mực xã hội được quy ước hóa hoặc thiết chế hóa. Nó liên quan đến các thái độ nhận xét về một hành vi ứng xử: ái mộ hoặc chỉ trích, ca ngợi hoặc lên án một cá nhân nào đó và hành vi của họ. Phán xét được phân thành 5 nhóm trên tiêu chí: (i) Bình thường (Normality); (ii) Khả năng (Capacity); (iii) Kiên trì (Tenacity); (iv) Chân thật (Veracity) và (v) Khuôn phép (Propriety).

Các loại phán xét này mang ý nghĩa hoặc tích cực hoặc tiêu cực và được thể hiện dưới hai hình thức thông qua văn bản biểu thái (attitudinal inscription) hoặc văn bản mang dấu hiệu biểu thái (attitudinal token).

Phán xét có thể được mã hóa trong một bộ khung bằng cách xem tác thể của cảm xúc (emoter) như một tác thể thẩm định (appraiser) và bị thể thẩm định (appraised) là người hoặc vật bị / được thẩm định / phán xét.

3. Giải quyết vấn đề

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp, chúng tôi sử dụng phương pháp mô tả, phân tích định tính với vai trò chủ đạo, bên cạnh đó, dữ liệu định lượng được dùng như các thành tố bổ sung cho việc diễn giải về tần suất sử dụng các ngôn ngữ phán xét dưới hình thức hiển ngôn và hàm ngôn.

3.2. Nguồn dữ liệu

Văn bản tiếng Việt: gồm bảy truyện ngắn điển hình của tác giả Nam Cao: Chí Phèo (Chi Pheo), Đôi mắt (The Eyes), Đời Thừa (An unworthy life), Lão Hạc (Old Hac), Mua nhà (Buying House), Trăng sáng (In the Moon Light), và Nhật ký ở rừng (In the Jungle). Do tính chất dễ nhập liệu và xử lý văn bản nên tôi chọn nguồn dữ liệu trên các trang web trực tuyến.

Văn bản dịch tiếng Anh: Các truyện ngắn cũng do chính tác giả Nam Cao dịch sang tiếng Anh, được tác giả Nguyễn Đình Thi giới thiệu trong ấn phẩm “Nam Cao, Chi Pheo and other stories” xuất bản tại Red River Foreign Languages Publishing House, Hà Nội, năm 1983.

Trong quá trình thu thập dữ liệu, 350 mẫu từ 7 tác phẩm truyện ngắn được chọn, bao gồm 200 mẫu chứa ngôn ngữ mang chức năng phán xét (Judgment) và 150 mẫu chứa ngôn ngữ mang chức năng đánh giá (Appreciation). Tuy nhiên, trong phạm vi giới hạn của bài báo chỉ đề cập đến ngôn ngữ phán xét, thêm vào đó là sự trùng lặp về ngôn ngữ phán xét trong các mẫu được chọn, nên sau quá trình phân tích dữ liệu, tác giả chọn 150 mẫu có các từ, ngữ và cú chứa giá trị phán xét.

4. Kết quả nghiên cứu và bình luận

Kết quả cho thấy ngôn ngữ phán xét có thể biểu hiện dưới hai hình thức là văn bản biểu thái và dấu hiệu biểu thái, ở các phạm trù ngữ nghĩa chuyên biệt với cả hai mặt ý nghĩa tích cực và tiêu cực. Các nội dung này sẽ được trình bày cụ thể trong các phần dưới đây.

Chúng tôi sử dụng từ viết tắt cho một số diễn đạt như: thẩm định = tđ, tác thể thẩm định = Ttđ, bị thể thẩm định = Bttđ, ý nghĩa = Yng

4.1. Văn bản biểu thái

Trong trường hợp này, giá trị phán xét được nhận diện thông qua văn bản biểu thái thể hiện rõ ràng thái độ của tác thể thẩm định. Việc sử dụng các hành động tạo ngôn gắn liền với một giá trị biểu thị thái độ (sự phán xét tích cực hoặc tiêu cực) thể hiện trong văn bản. Giọng điệu của một người trần thuật có thể đồng hành cùng một nhân vật này hoặc một nhân vật khác trong một câu chuyện và việc phân tích tác thể thẩm định có thể sẽ phải được điều chỉnh. Kết

quả phân tích cho thấy hầu hết các mẫu khảo sát về văn bản mang giá trị phán xét được tìm thấy trong bảy truyện ngắn của Nam Cao là văn bản biểu thái. Điển hình như trong các ví dụ:

(1) Thì năm nay lại nảy ra Chí Phèo, một thằng **hiền lành như đất**... [Chí Phèo]

Now it was Chi Pheo who was a nuisance to him. He had been **as meek as a lamb**. [3, tr.32]

(2) Điền thấy mình **ích kỷ**. Sự nghiệp mà làm gì nữa? Bỏn phận Điền phải nghĩ đến gia đình. [Trăng sáng]

Dien understood that he had acted **selfishly**. What was the good of continuing this vocation instead of thinking of family? He must rebuild his family. [3, tr.119]

Trong hai ví dụ trên, người đọc có thể dễ dàng nhận ra thái độ phán xét ái mộ, cảm thông và phê phán của tác thể thẩm định thông qua việc sử dụng các văn bản biểu thái mang tính hiển ngôn ở cả hai văn bản Tiếng Việt và tiếng Anh. Cụ thể hơn, qua tính từ “*hiền lành như đất – as meek as a lamb*”, tác giả thể hiện niềm cảm thông với nhân vật Chí Phèo – đã từng là anh nông dân chất phác, hiền hậu nhưng nay lại thay đổi bản tính. Tương tự ở ví dụ (2), tính từ “*ích kỷ*” trong bản tiếng Việt được dịch tương đương về nghĩa nhưng khác hình thức từ vựng trong bản tiếng Anh là “*selfishly*”, qua đó tác giả tự đề Ttđ là Điền tự vấn lương tâm của chính mình.

Bảng 1. Phán xét hiển ngôn

VD	Chi tiết tđ	Ttđ	Bttđ	Yng
(1)	hiền lành như đất	Tác giả	tính cách của Chí Phèo	(+)
	as meek as a lamb			
(2)	ích kỷ	Điền	nhân cách của Điền	(-)
	selfishly			

4.2. Dấu hiệu biểu thái

Trong bảy truyện ngắn của nhà văn Nam Cao, một số văn bản mang chức năng phán xét không được thể hiện một cách hiển ngôn mà được hiểu thông qua các dấu hiệu biểu thái. Để kết luận nó là lời phán xét tích cực hay tiêu cực, người đọc thường phải dựa vào ngữ cảnh của diễn ngôn và suy diễn ra ý nghĩa mà nó hàm ý. Xem xét các ví dụ về thái độ được phân tích:

Bảng 2. Phán xét hàm ngôn

VD	Dấu hiệu biểu thái	Bttđ	Chi tiết tđ được suy diễn	Yng
(3)	Cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đốn cái nước gì mà chịu lép như trâu thê?	Bá Kiến	Bá Kiến là một người tham lam, kiêu ngạo .	(-)
	<i>This pig of an Honourable Kien who passed his life in plundering the people, why did he grovel before him?</i>			

(4)	Người Mán không bắt người cách mạng. Người Mán đã cứu mạng người cách mạng.	Người Mán	Người Mán là những người rất tốt bụng, hiền lành.	(+)
	<i>The Mans had not arrested the revolutionaries but helped them.</i>			

Trong tổng số 150 mẫu ví dụ từ bảy truyện ngắn được lựa chọn để khảo sát về văn bản mang giá trị phán xét, gần hai phần ba số lượng các giá trị phán xét này được thể hiện ở dạng văn bản biểu thái. Điều đó cho thấy tác giả có khuynh hướng thể hiện công khai các quan điểm thái độ của mình trước những hành vi, thái độ ứng xử của các đối tượng trong xã hội đương thời, giúp người đọc hiểu và lĩnh hội văn bản một cách dễ dàng.

Bảng 3. Văn bản biểu thái và dấu hiệu biểu thái mang giá trị phán xét

	Văn bản biểu thái	Tỉ lệ	Dấu hiệu biểu thái	Tỉ lệ	Tổng
phán xét	103	68,7%	47	31,3%	150

4.3. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ phán xét

Theo Martin và White [2, tr.34 – 38], phạm trù phán xét bao gồm năm phạm trù con: phán xét về tính chất bình thường, khả năng, kiên trì dựa trên các chuẩn mực về nhận thức và năng lực của con người, ngược lại, nhóm phán xét tính Chân thật và Khuôn phép lại dựa trên các chuẩn mực đạo đức được xã hội quy ước.

4.3.1. Phán xét: Bình thường (Normality)

Giá trị phán xét ‘bình thường’ đánh giá rằng hành vi ứng xử của ai đó là bình thường, theo lẽ tự nhiên (tích cực) hoặc bất thường (tiêu cực), qua các diễn đạt như *bình thường / không bình thường (un/normal), may mắn / xui rủi (un/lucky), không may (hapless)*, v.v... Xét các ví dụ:

(5) Sau Tổng khởi nghĩa, anh Hoàng đối với tôi **đột nhiên nhạt hẳn đi**. [Đôi Mắt]

After the August Revolution, Hoang’s attitude toward me **cooled down suddenly and completely**. [3, tr.185]

(6) Có lẽ hắn cũng không biết rằng hắn là **con quỷ dữ** của làng Vũ Đại, để tác quái cho bao nhiêu dân làng. [Chí Phèo]

He may not know that he is **a cruel devil** sowing terror in Vu Dai village. [3, tr.41]

Cả hai ví dụ trên đều thể hiện thái độ phán xét tiêu cực, chê trách hành vi ứng xử bất thường, được thể hiện bằng cụm trạng từ “*đột nhiên nhạt hẳn đi*” của Hoàng với Độ trong tác phẩm Đôi Mắt, và chỉ trích những hành động mất tính người, dị biệt so với những người xung quanh của bị thể thẩm định Chí Phèo qua cụm danh từ “*con quỷ dữ*”. Lần lượt, những phán xét này được dịch sang tiếng Anh theo sát về nghĩa và đặc điểm từ vựng qua các diễn đạt “*a cruel devil* và *cooled down suddenly and completely*”.

4.3.2. Phán xét: Khả năng (Capacity)

Giá trị phán xét ‘khả năng’ đánh giá năng lực về trí tuệ, sự trải nghiệm của con người, thường được nhận diện bởi

các diễn đạt như *non đại/ kinh nghiệm (in/experienced), khéo léo/tinh vi (clever), đần độn (stupid)*, v.v... Xét các ví dụ :

(7) Lão thì già, con đi vắng, và lại nó cũng còn **đại lăm**, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này. [Lão Hạc]

He was old. His son was away and still **inexperienced**. [3, tr.77]

(8) Anh Hoàng là một nhà văn, nhưng đồng thời cũng là **một tay chợ đen rất tài tình**. [Đôi Mắt]

Hoang was a writer and at the same time **a cunning blackmarketer**. [3, tr.182]

(9) Thoáng nhìn qua, đã **hiểu cơ sự** rồi. Làm lý trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lý trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. [Chí Phèo]

At first glance, Honourable Kien **understood** what had happened. He had witnessed many scenes of this kind during his career. [3, tr.23]

Ở ví dụ (7), tính từ ‘*đại lăm – inexperienced*’ được sử dụng mang chức năng phán xét về sự thiếu chính chắn, trưởng thành của bị thể thẩm định - con trai Lão Hạc. Tương tự, cụm danh từ ‘*một tay chợ đen rất tài tình – a cunning blackmarketer*’ thoát nghe như một sự ca ngợi tài năng của nhà văn Hoàng, nhưng thể ngữ cảnh của câu truyện, thì đây lại là một phán xét mỉa mai, chỉ trích khả năng toan tính, luồn lách của ông Hoàng trong thời cuộc loạn lạc lúc bấy giờ. Tương tự, ở ví dụ (9), câu văn chứa đựng động từ “*hiểu – understood*” trong ngữ cảnh “*thoáng nhìn qua – at first glance*” diễn tả sự khôn ngoan, già đời của Lý trưởng làng Vũ Đại, đồng thời thể hiện quan điểm thừa nhận về năng lực của những người làm trưởng làng như nhân vật Bá Kiến.

Bảng 4. Phán xét - Khả năng

VD	Chi tiết td	Tttđ	Bttđ	Yng
(7)	đại lăm	Lão Hạc	Đứa con trai	(-)
	inexperienced			
(8)	một tay chợ đen rất tài tình	Độ	Khả năng của nhà văn Hoàng	(-)
	a cunning blackmarketer			
(9)	hiểu	Tác giả	Bá Kiến	(+)
	understand			

4.3.3. Phán xét: Kiên trì (Tenacity)

Giá trị phán xét ‘kiên trì’ đánh giá sự quyết tâm hay do dự trước quyết định sẽ theo đuổi thực hiện hoặc không thực hiện một nhiệm vụ nào đó của con người. Ví dụ:

(10) Đã nhiều lần, Từ muốn bỏ liều con để đi làm, Từ muốn hy sinh. Nhưng lòng Từ **mềm yếu** biết bao. [Đời Thừa]

Several times she wanted to stop looking after them so as to be able to work. She wanted to kill herself, but was too **weak!** [3, tr.90]

(11) Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi **nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán**. Ấy thế mà tôi cũng bán! [Lão Hạc]

At last only five remained and I **was determined** not to sell them, even if I should die or hunger. However, I had to sell them in the end! [3, tr.69]

Ở ví dụ (10) tác giả sử dụng tính từ ‘*mềm yếu*’ và được dịch theo từ vựng “*weak*” thể hiện phán xét tiêu cực về sự do dự, đắn đo của nhân vật Từ, không dám quyết tâm theo đuổi điều mình muốn làm. Ngược lại, trong tác phẩm Lão Hạc, động từ “*nhất định*” trong bản tiếng Việt thể hiện quyết tâm kiên quyết của bị thể thẩm định. Trong bản dịch tiếng Anh, người dịch lại sử dụng tính từ “*determined*”, tuy khác nhau về lớp từ vựng nhưng người dịch thuật đã cố gắng lựa chọn diễn đạt tương đồng về ý nghĩa với chức năng phán xét của bản gốc.

Bảng 5. Phán xét - Kiên trì

VD	Chi tiết td	Tttd	Bttđ	Yng
(10)	mềm yếu	Tác giả	Từ	(-)
	weak			
(11)	nhất định	Tác giả	Tác giả	(+)
	determined			

4.3.4. Phán xét: Chân thật (*Veracity*)

Trong các truyện ngắn của Nam Cao, ngôn ngữ với chức năng phán xét Chân thật có tần số xuất hiện ít nhất so với các giá trị khác. Kết quả này một phần bắt nguồn từ nội dung truyện tải của tác giả không nhằm mục đích phán xét về tính cách thành thật hoặc lừa dối (*truthful, honest, lying...*) của các nhân vật trong tác phẩm.

(12) Nhưng bỗng hấn lại hơi ngần ngại; biết đâu **cái lão cáo già này** nó lại chả **lừa** hấn vào nhà rồi lôi thôi? [Chí Phèo]

But he hung back. **The cunning old man could play him a nasty trick** once in the house. [3, tr.26]

(13) “**Lão làm bộ đấy!** [Lão Hạc]

“Old Hac is **playing the honest man!** [3, tr.80]

Thông qua cụm danh từ ‘*cái lão cáo già này*’ hay động từ ‘*lừa*’ cho thấy bị thể thẩm định - Bá Kiến là một người không chân thật, không giữ đúng lời hứa của mình, đây là những văn bản phán xét tiêu cực phê phán nhân cách của nhân vật. Tương tự, ở ví dụ (13), cụm diễn đạt “*làm bộ*” được dịch tương đương là “*play the honest man*” đều mang chức năng phán xét, thể hiện thái độ phê phán của tác thể thẩm định là Bình Tư dành cho bị thể thẩm định là Lão Hạc khi Tư hiểu nhầm về nhân cách cao quý của Lão Hạc.

4.3.5. Phán xét: Khuôn phép (*Propriety*)

Giá trị phán xét ‘khuôn phép’ đánh giá các hành vi đạo đức của con người bằng cách quy chiếu vào một hệ thống chuẩn mực xã hội có sẵn và được thiết chế hóa theo pháp luật. Những cụm diễn đạt chúng ta thường gặp là *không/có lễ độ (im/polite)*, *cruel (độc ác)*, *không/có phẩm hạnh (im/moral...)*, v.v...

(14) Vậy mà tôi cứ hậm hực mãi với tôi vì cái lễ đã để mấy người bạn trông thấy cái cảnh bần bách của tôi như thế, chẳng hoá ra tôi là **người nhỏ nhen**? Vâng thì tôi là người nhỏ nhen! [Mua nhà]

But I always blame myself for letting my friends see my poverty. Is this **petty-minded** of me? [3, tr.102]

(15) Vợ chồng anh thì nhau kẻ tội người nhà quê đủ thứ. Toàn là những người đần độn, **lỗ mãng, ích kỷ, tham lam**, bần tiện cả. [Đôi Mắt]

“All of them,” they said, “are stupid **boisterous, selfish, covetous** and miserable. [3, tr.191]

(16) Những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chàng mường thì phải tội; ai cũng sinh ra **tử tế** cả chỉ trừ anh Bình, bởi vì Chức bây giờ lại rất mực ngang ngược. [Chí Phèo]

Thereupon the notables even considered as a crime to pay their attentions to a married woman. Everybody became **reasonable** except Chuc whose impertinence was outrageous. [3, tr.31]

Các dẫn chứng nêu trên cho thấy khi tác thể thẩm định sử dụng các lối diễn đạt như ‘*người nhỏ nhen - petty minded, lỗ mãng - boisterous, ích kỷ - selfish, tham lam - covetous*’ thì giọng điệu trở nên chủ quan hơn. Các giá trị phán xét dành cho các bị thể thẩm định hầu hết đều mang ý nghĩa tiêu cực nhằm phê phán sự suy đồi về đạo đức của con người. Ngược lại, ở ví dụ (16), tính từ “*tử tế - reasonable*” thể hiện thái độ phán xét tích cực ca ngợi sự thay đổi tích cực trong hành vi đạo đức của những ông trưởng, ông phó lúc bấy giờ.

Bảng 6. Phán xét - Khuôn phép

VD	Chi tiết td	Tttd	Bttđ	Yng
(14)	người nhỏ nhen	Tác giả	Tác giả	(-)
	petty-minded			
(15)	lỗ mãng, ích kỷ	Tác giả	Người nhà quê cũ	(-)
	boisterous, selfish			
(16)	tử tế	Tác giả	Ông trưởng, phó	(+)
	reasonable			

4.4. Nhận xét về bản dịch tiếng Anh đối chiếu với bản dịch tiếng Việt

Qua phân tích văn bản tiếng Anh đối chiếu với văn bản tiếng Việt của nhà văn, đồng thời là dịch giả Nam Cao, chúng tôi nhận thấy dịch giả Nam Cao đã chọn phương pháp dịch ngữ nghĩa, tập trung chính vào việc trung thành truyền tải lại tư tưởng, thông điệp trong văn bản gốc tiếng Việt. Từ góc độ thẩm định về ngôn ngữ mang chức năng phán xét, văn bản tiếng Anh có một số điểm tương đồng và khác biệt so với văn bản tiếng Việt như sau:

Thứ nhất, ở cả hai văn bản tiếng Việt và tiếng Anh, ngôn ngữ mang chức năng phán xét đều được thể hiện dưới hai hình thức hiển ngôn và hàm ngôn biểu thái. Tuy nhiên, một số mẫu văn bản phán xét chứa dấu hiệu biểu thái hàm ngôn ở tiếng Việt khi được dịch sang tiếng Anh trở thành văn bản hiển ngôn, ý nghĩa truyền tải được thể hiện rõ ràng trên bề mặt câu chữ giúp người đọc ngôn ngữ tiếng Anh có thể hiểu đúng hàm ý của tác phẩm gốc, tránh được những hiểu nhầm do yếu tố văn hóa vùng tác động. Ví dụ như:

(17) Liên sẽ đổi, như tôi đã đổi. **Phải bơi mới biết rằng mình bơi khỏe.** Và thật ra, **ai cũng bơi được cả.** [Nhật ký ở rừng]

Lien will change her character just as I have changed mine. **One must try to do something to realize that things are not so difficult to do. Everyone is able to fulfill his task.** [3, tr.145]

Ở ví dụ này, cụm diễn đạt hàm ngôn “*ai cũng bơi được*” với thái độ phán xét ca ngợi khả năng tiềm ẩn của con người khi được dịch sang tiếng Anh, dịch giả sử dụng lối diễn đạt hiển ngôn “*is able to fulfill his task*” giúp người đọc lĩnh hội văn bản dễ dàng hơn.

Thứ hai, một số ít những cụm diễn đạt mang ý nghĩa phán xét ở văn bản tiếng Việt, ví dụ (18) “Thiên ơi! Cha sẽ **manh đạn** ném con vào cuộc đời và cuộc đời sẽ luyện con nhanh chóng hơn cha luyện. Con sẽ không chết. Con sẽ thành cứng rắn.” [Nhật ký ở rừng] thể hiện thái độ kiên quyết và đạo đức tốt đẹp của nhân vật lại bị lướt bỏ hẳn trong văn bản tiếng Anh. Hoặc như ví dụ (19) “Bây giờ cụ mới lại gần hẳn, khề lay và gọi: “Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?” không hàm chứa ngôn ngữ phán xét về nhân vật Chí Phèo nhưng trong bản dịch tiếng Anh lại xuất hiện cụm diễn đạt phán xét, cụ thể là “The old man went over to Chí Phèo, and shook him gently “*My good fellow*, why do you behave like that?” [3, tr.24]. Điều này cho thấy xuất hiện hiện tượng thêm vào và tính lướt (loss and gain) trong dịch thuật.

Về đặc điểm từ vựng mang chức năng phán xét, ở cả hai văn bản tiếng Việt và tiếng Anh đều sử dụng các lớp từ vựng ngữ danh từ, ngữ tính từ, ngữ động từ và trạng ngữ, trong đó ngữ tính từ được sử dụng với tần suất nhiều nhất. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt giữa hai văn bản tiếng Việt và tiếng Anh ở chỗ, khi dịch các cụm diễn đạt mang chức năng phán xét, dịch giả không quan tâm đến việc sử dụng cùng một lớp từ loại như trong văn bản tiếng Việt mà tập trung vào ưu tiên lựa chọn từ vựng có cùng trường nghĩa nhưng có thể khác nhau về mặt từ loại và bố cục cấu trúc các cụm diễn đạt trong câu. Xét ví dụ:

(20) Ông lý đây là ông lý Cường, con giai cụ Bả nổi tiếng là **hách dịch**, coi người như rom rác. [Chí Phèo]

The said mayor was Mr Cuong, Honourable Kien’s son, famous for **his arrogance**, who considered the villagers with about as much respect as for rotten thatch. [3, tr.22]

(21) Không phải cụ đốn, chính thật cụ **khôn róc đời**, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cổ cùng liều thân.

Very cleverly, he divided the people to be feared into two kinds: the dear-devil heroes and the pariahs driven to extremities. [3, tr.27]

Ở ví dụ (20), tính từ “*hách dịch*” ở bản gốc tiếng Việt được dịch lại đúng nghĩa nhưng dưới hình thức là ngữ danh từ. Tương tự ở ví dụ (21), có sự thay đổi về cả từ loại và cấu trúc. Cụ thể là tính từ phán xét “*khôn róc đời*” đóng chức năng bổ nghĩa nằm trong phần *Thuyết* của câu được dịch sang tiếng Anh trở thành phó từ về quan điểm, phán xét trong phần *Đề* của câu.

Bảng 7. Sự thay đổi từ loại từ tiếng Việt sang tiếng Anh

Từ loại được dịch từ Việt => Anh	Số lượng
Tính từ => Danh từ	20
Danh từ => Tính từ	17
Động từ => Tính từ	22
Tính từ => Phó từ	15
Tính từ => Tính từ	45
Từ loại được dịch từ Việt => Anh	Số lượng
Danh từ => Danh từ	31
Động từ => Động từ	23

5. Kết luận

Nhìn chung các giá trị phán xét trong các truyện ngắn của Nam Cao bản tiếng Việt và bản dịch tiếng Anh như vừa được phân tích ở trên đã phản ánh phần nào cách sử dụng ngôn ngữ rất xác đáng của tác giả khi muốn truyền tải thái độ, tư tưởng của mình. Từ những kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra các kết luận: đầu tiên, các văn bản biểu thái mang giá trị phán xét và đánh giá được sử dụng phần lớn trong các tác phẩm truyện ngắn của Nam Cao; về mặt ngữ nghĩa, giá trị phán xét có các giá trị cụ thể hơn theo các trường nghĩa lần lượt là ‘bình thường, khả năng, kiên trì, chân thật, và khuôn phép thuộc giá trị phán xét; thêm vào đó, khi phân tích đối chiếu bằng dịch tiếng Anh so với bản gốc tiếng Việt, từ góc độ ngôn ngữ phán xét, một số mẫu hàm ngôn có dấu hiệu biểu thái khi được dịch sang tiếng Anh trở thành hiển ngôn và có sự thay đổi về mặt cấu trúc, từ loại mang chức năng phán xét.

Tuy còn một số hạn chế không thể tránh khỏi trong kết quả nghiên cứu, chúng tôi mong rằng đóng góp phần nào giúp người học và người dạy có thể nắm vững và phân biệt cách sử dụng ngôn ngữ phán xét, sử dụng chúng một cách hữu ích vào quá trình dạy và học ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Halliday, M. A. K., *An Introduction to Functional Grammar*, (3rd Ed.), Hodder Arnold, London, (2004).
- [2] Martin, J. R. and White, P. R. R., *The Language of Evaluation: Appraisal in English*, Palgrave, London, (2005).
- [3] Nam Cao, *Chi Phèo and other stories*, Red River Foreign Languages Publishing House, Hanoi, (1983).
- [4] Neviarouskaya, E., Predinger, H. and Ishizuka, M. (2010), “Recognition of Affect, Judgment and Appreciation in Text”, *Proceedings of the 23rd International Conference on Computational Linguistics*, COLIG (2010), pp. 806-814.
- [5] Nguyễn Văn Khôi, *A study of Proclaim Marker in English and Vietnamese*, M.A. Thesis, the University of Danang (2006).
- [6] Rothery, J. & Stenglin, M., “Interpreting Literature: The Role of Appraisal”, *Researching Language in Schools and Functional Linguistic Perspectives*, Unsworth, L. (Ed.), Cassell, London, (2000), pp. 222-244.
- [7] Trần Thị Ly, *An Investigation Into The Category Attitude in English and Vietnamese Articles Warning Against Childhood Epidemics From the Perspective of Appraisal Theory*, Master thesis, the University of Danang, (2015).
- [8] Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Việt Nam, (2009).
- [9] Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt – Sơ thảo Ngữ pháp Chức năng* (tái bản lần 1), Nhà xuất bản Giáo dục, Quảng Nam, (2004).